

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 3 - 2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Tấn Nghi, bà Phan Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy – Công chức Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/02/2022

Nguyên đơn: N, sinh năm 1985; *Có đơn xin vắng mặt;*

Bị đơn: T, sinh năm 1983; *Vắng mặt;*

Cùng nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Phú Yên; Cùng tạm trú: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn bà N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Phú Yên vào năm 2003. Sau khi kết hôn, hai bên sinh sống tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên ăn nhậu về gây gỗ dẫn đến hai bên cãi nhau. Sự việc kéo dài, bà N nhận thấy không thể nào chung sống hạnh phúc được nữa nên xin được ly hôn ông T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Đ, sinh ngày 28/02/2005, H, sinh ngày 24/3/2008. Bà N xin nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn ông T* đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 30/5/2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Bà N khai trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hiện nay, không ai còn quan tâm đến ai. Địa phương xác nhận bà N, ông T chung sống có mâu thuẫn là sự thật. Mặt khác, ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có ý kiến gì phản bác lại yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà N, ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3] Về con chung:

Xét thấy con chung tên H có nguyện vọng sống cùng bà N; con chung tên Đ có nguyện vọng sống cùng ông T nhưng ông T không đến Tòa, không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, để cháu Đ, cháu H phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của bà N: Giao các cháu Đ, H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N làm công nhân, có sức khỏe, đủ khả năng nuôi con và bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí DSST: Bà N phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà N được ly hôn ông T.
2. Về con chung: Giao các con chung tên Đ, sinh ngày 28/02/2005, H, sinh ngày 24/3/2008 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà N phải chịu: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về yêu cầu xin ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà N đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002150 ngày 10/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, bà N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H. Tây Hòa;
- Cục THADS H. Tây Hòa;
- UBND xã B

(*GDKKH số 10, ngày 30/5/2003*);

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Huệ